

Bản án số: 1094/2018/LĐ-PT

Ngày: 22-11-2018

V/v Tranh chấp về thực hiện và đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động; về xử lý kỷ luật theo hình thức sa thải; bồi thường thiệt hại, trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Dung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Ông Nguyễn Ngọc Tài

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Tâm Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Trần Anh Tuấn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 22 tháng 11 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2018/TLPT-LĐ ngày 12 tháng 10 năm 2018 về việc “Tranh chấp về thực hiện và đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động; về xử lý kỷ luật theo hình thức sa thải; bồi thường thiệt hại, trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 908/2018/LĐ-ST ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5185/2018/QĐPT-LĐ ngày 05 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Ngọc B**, sinh năm 1979; cư trú tại: Đường A, phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ**; Trụ sở: Đường L, Phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Võ Minh T** – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Thanh T1** – Tổng Giám đốc. (Theo Quyết định số 122/QĐ-DAB-PC ngày 29/5/2017).

Người được ủy quyền lại: Ông **Lê Xuân K** – Chuyên viên xử lý pháp lý (Theo Quyết định số 826/QĐ-DAB-HĐQT ngày 27/4/2016).

-*Người kháng cáo:* ông **Nguyễn Ngọc B**, là nguyên đơn và **Ngân hàng Đ**, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc B trình bày:

Ông Nguyễn Ngọc B làm việc tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (gọi tắt là Ngân hàng Đ) và đã ký kết hợp đồng lao động số DAB-06540/042014-09 ngày 01/4/2014. Nội dung hợp đồng: ông B làm việc tại Ngân hàng Đ với chức vụ: Giám đốc Phòng Hợp tác Chiến lược, thời gian 36 tháng từ ngày 01/4/2014 đến 31/3/2017, mức lương trước thuế là 42.000.000 đồng. Ngoài ra, ông B và Ngân hàng Đ có các thoả thuận đi kèm với hợp đồng lao động gồm:

- Phụ lục hợp đồng số 20-CĐCS/PL-DAB-06540/042014-09 ngày 29/01/2015.
- Bản mô tả công việc ngày 01/4/2014.

- Quyết định 116/QĐ-QTNNL ngày 01/02/2015 xác nhận mức thu nhập cơ bản hàng tháng: 55.000.000 đồng/tháng trong đó bao gồm mức lương cơ bản 27.500.000 đồng/tháng, phụ cấp cơm trưa 650.000 đồng/tháng, phụ cấp đi lại 1.500.000 đồng/tháng, phụ cấp điện thoại 1.350.000 đồng/tháng, phụ cấp chức danh 5.300.000 đồng/tháng, phụ cấp trách nhiệm 18.700.000 đồng/tháng.

Từ tháng 9/2015, Ban lãnh đạo mới của Ngân hàng Đ liên tiếp vi phạm hợp đồng lao động với ông B như nợ lương, cắt giảm tiền lương, không trả lương, đơn phương thay đổi cơ cấu tiền lương để trốn đóng bảo hiểm xã hội, không thực hiện đúng hợp đồng lao động, điều chuyển công việc và chức danh của ông, không cung cấp phương tiện và đảm bảo điều kiện làm việc cho ông, trù dập và cưỡng ép hạ bậc vị trí của ông là nhân viên.

Do Ngân hàng Đ liên tục vi phạm hợp đồng lao động và sau khi hoà giải không thành ngày 14/02/2017 để bổ sung thủ tục xin kháng cáo quyết định đình chỉ vụ án của Tòa án quận N vào ngày 09/01/2017 nên ngày 17/02/2017 ông B chủ động thông báo chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn và Ngân hàng Đ đã nhận thông báo này.

Kể từ ngày 24/02/2017 ông B không còn làm việc tại Ngân hàng Đ cũng như trước đó hoàn toàn không có vi phạm gì nên việc Ngân hàng Đ ra quyết định kỷ luật sa thải vắng mặt ông B là trái pháp luật.

Nay ông B khởi kiện với các yêu cầu sau:

1. Tuyên bố chấp nhận việc ông B đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với Ngân hàng Đ do Ngân hàng Đ vi phạm hợp đồng lao động và pháp luật lao động.

2. Tuyên bố huỷ bỏ Quyết định số 30/QĐ-DAB-HĐQT ngày 01/3/2017 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Đ về việc xử lý kỷ luật sa thải ông Nguyễn Ngọc B.

3. Buộc Ngân hàng Đ chấm dứt hành động trả thù, trù dập và gửi văn bản xin lỗi ông B cùng gia đình về việc Ngân hàng đã vi phạm hợp đồng lao động, ra quyết định kỷ luật sa thải trái pháp luật, có hành vi quấy nhiễu ông Ân (bố của ông B). Văn bản xin lỗi của Lãnh đạo Ngân hàng Đ phải được cập nhật lên trang tin nội bộ của Ngân hàng.

4. Buộc Ngân hàng Đ trả tiền lương từ tháng 9/2015 đến 5/2016 là 18.000.000 đồng.

5. Buộc Ngân hàng Đ trả đầy đủ thu nhập của ông B trong thời gian tiếp tục chờ Ngân hàng ra quyết định phân công từ giữa tháng 12/2016 đến ngày 23/02/2017 là 126.923.077 đồng.

6. Buộc Ngân hàng Đ trả tiền lương tháng 13 của năm 2016 là 27.500.000 đồng.

7. Buộc Ngân hàng Đ trả tiền lương của 07 ngày phép năm 2016 chưa sử dụng là 14.807.692 đồng.

8. Buộc Ngân hàng Đ trả trợ cấp thôi việc trong thời gian thử việc từ 10/9/2012 đến 09/11/2012 là 13.750.000 đồng.

9. Buộc Ngân hàng Đ bồi thường một khoản tiền tương đương 6 tháng tiền lương vì đã ra quyết định sa thải trái pháp luật là 330.000.000 đồng.

10. Buộc Ngân hàng Đ cung cấp chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân năm 2016, 2017 của ông B và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp, kịp thời của các chứng từ này, bao gồm cả việc nộp các khoản tiền phạt, tiền lãi ... cho cơ quan Thuế do chậm trễ và sai sót.

11. Buộc Ngân hàng Đ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho ông B như sau:

- Đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế từ tháng 01/2016 đến tháng 12/2016 với mức đóng là 24.200.000 đồng/tháng và kể từ tháng 01/2017 đến khi chấm dứt hợp đồng với mức đóng là 26.000.000 đồng/tháng.

- Đóng bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 01/2016 đến khi chấm dứt hợp đồng theo mức lương 51.500.000 đồng/tháng (gồm phụ cấp chức danh và trách nhiệm).

12. Yêu cầu Ngân hàng Đ trả cho ông B tiền lãi chậm trả cho các khoản nợ nêu trên với mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Ngọc B vẫn giữ nguyên các yêu cầu nêu trên.

Theo các bản tự khai và trong quá trình xét xử bị đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có ông Lê Xuân K đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Nguyễn Ngọc B làm việc chính thức tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ theo Hợp đồng lao động số DAB-06540/112012-01 ngày 10/11/2012 với thời hạn từ ngày 10/11/2012 đến ngày 31/3/2014. Sau đó, hai bên tiếp tục ký hợp đồng lao động số DAB-06540/042014-09 ngày 01/4/2014 với thời hạn làm việc 36 tháng từ ngày 01/4/2014 đến 31/3/2017. Ông B được bổ nhiệm là Giám

đốc Phòng Hợp tác chiến lược và quan hệ định chế tài chính thuộc Khối Chiến lược theo Quyết định số 404/QĐ-DAB ngày 31/01/2015 với thời hạn từ 01/02/2015 đến 01/02/2016.

Ngày 13/8/2015 Ngân hàng Đ bị đặt trong tình trạng kiểm soát đặc biệt theo Quyết định số 69/QĐ-NHNN.m nên Ngân hàng đã tiến hành rà soát lại cơ cấu tổ chức và sắp xếp kiện toàn nhân sự các cấp để đáp ứng nhu cầu công việc thực tế và tình hình hoạt động kinh doanh. Ngày 04/01/2016 Ngân hàng ra Quyết định số 06/QĐ-HĐQT-DAB về việc điều chỉnh chức năng và nhiệm vụ của Khối Chiến lược, theo đó Phòng Hợp tác chiến lược và quan hệ định chế tài chính được hợp nhất với Phòng Nghiên cứu và quản lý chiến lược thành Phòng Quản lý và triển khai chiến lược. Chức danh Giám đốc Phòng Hợp tác chiến lược và quan hệ định chế tài chính không còn nên Ngân hàng không tái bổ nhiệm ông B là Giám đốc Phòng Hợp tác chiến lược và quan hệ định chế tài chính.

Ngày 05/11/2015 Chủ tịch Hội đồng quản trị ra Quyết định số 211/QĐ-HĐQT-DAB về việc thành lập “Nhóm dự án làm việc với nhà đầu tư nước ngoài” (gọi là Nhóm dự án), thành viên của Nhóm dự án được hưởng đầy đủ các chính sách, chế độ đối với người lao động theo chức danh hiện đang đảm nhiệm. Ông B là thành viên của Nhóm dự án. Kể từ ngày thay đổi cơ cấu, Lãnh đạo Ngân hàng Đ đã làm việc với ông B để bố trí, sắp xếp vị trí chức danh, công việc mới cho ông B tại Khối Chiến lược bên cạnh công việc tham gia làm việc tại Nhóm dự án. Ngân hàng đề nghị ông B giữ chức vụ Phó Giám đốc hoặc Chuyên viên Quản lý và triển khai chiến lược của Phòng Quản lý và triển khai chiến lược nhưng ông B không đồng ý.

Ngày 15/12/2016 Chủ tịch Hội đồng quản trị ra Quyết định số 252/QĐ-DAB-HĐQT về việc chấm dứt hoạt động của Nhóm dự án. Các thành viên của Nhóm dự án phải lập văn bản báo cáo đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ gửi cho Lãnh đạo Khối phụ trách chậm nhất là ngày 16/12/2016 và ngày 17/12/2016 có mặt để tiếp nhận công việc mới. Ông B không thực hiện hai yêu cầu này mặc dù Ngân hàng đã nhắc nhở. Từ ngày 18/12/2016 ông B tiếp tục không có mặt tại Phòng Quản lý và triển khai chiến lược để làm việc cho đến khi bị sa thải mà không có lý do.

Như vậy, ông B đã tự ý bỏ việc 05 ngày cộng dồn trong một tháng mà không có lý do là vi phạm Nội quy lao động của Ngân hàng Đ. Ngân hàng đã thông báo cho ông B về việc tham dự cuộc họp xử lý kỷ luật lao động và tiến hành xử lý kỷ luật “sa thải” theo Quyết định số 30/QĐ-DAB-HĐQT ngày 01/3/2017.

Về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Ngân hàng Đ có ý kiến như sau:

1. Về việc ông B gửi thông báo chấm dứt hợp đồng lao động.

Ngày 17/02/2017 ông B gửi thông báo chấm dứt hợp đồng lao động với mục đích né tránh việc xử lý kỷ luật lao động nên ngày 21/02/2017 Ngân hàng Đ có phản hồi bằng văn bản số 422/DAB-QTNL không chấp thuận thông báo chấm dứt hợp đồng lao động của ông B.

2. Về yêu cầu huỷ bỏ Quyết định số 30/QĐ-DAB-HĐQT ngày 01/3/2017 của Chủ tịch HĐQT về việc xử lý kỷ luật sa thải ông B.

Ông B không thực hiện báo cáo theo Quyết định số 252/QĐ-DAB-HĐQT ngày 17/12/2016 và tự ý bỏ việc kể từ ngày 17/12/2016 đến khi bị sa thải mà không có lý do. Ông B vi phạm khoản 14.5 Điều 14, khoản 23.5 Điều 23, khoản 25.2 Điều 25 của Nội quy lao động của Ngân hàng năm 2014.

Sau 03 lần thông báo tham dự cuộc họp xử lý kỷ luật lao động, ông B vẫn không có mặt nên Ngân hàng Đ tiến hành xử lý kỷ luật ông B theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định nên Ngân hàng không đồng ý huỷ bỏ Quyết định số 30/QĐ-DAB-HĐQT ngày 01/3/2017.

3. Về yêu cầu Ngân hàng Đ chấm dứt hành động trả thù, trù dập và gửi văn bản xin lỗi ông B, Ngân hàng không có những hành động này nên không đồng ý.

4. Về yêu cầu Ngân hàng Đ trả 18.000.000 đồng tiền lương đã cắt giảm từ tháng 9/2015 đến tháng 5/2016, Ngân hàng không đồng ý vì việc giảm lương là chủ trương của Ngân hàng Nhà nước, có sự vận động của Đảng uỷ, Công đoàn Ngân hàng, sự đồng ý, tự nguyện của các lãnh đạo, cán bộ quản lý Ngân hàng và ông B cũng tự nguyện giảm 2.000.000 đồng/tháng tiền lương từ tháng 9/2015.

5. Về yêu cầu Ngân hàng Đ trả thu nhập tiền lương trong thời gian chờ phân công công việc mới là 126.923.077 đồng, Ngân hàng không đồng ý vì ông B đã tự ý bỏ việc từ ngày 17/12/2016 đến khi bị sa thải, Ngân hàng không có cơ sở chấm công và không trả lương cho ông B trong thời gian này.

6. Về yêu cầu Ngân hàng Đ trả tiền lương tháng 13 của năm 2016 là 27.500.000 đồng.

Theo điểm 2 khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 16/QĐ-DAB-QTNNL ngày 09/01/2017 của Ngân hàng về việc chi lương tháng 13 của năm 2016, những trường hợp tạm thời chưa chi lương là:

“Cán bộ nhân viên có hành vi vi phạm kỷ luật lao động trước ngày 01/01/2017 và đang chờ xem xét xử lý kỷ luật tại thời điểm chi lương tháng 13 sẽ tạm thời chưa chi lương tháng 13 cho đến khi: Hội đồng xử lý kỷ luật có quyết định kỷ luật với hình thức kỷ luật từ Khiển trách trở lên thì cán bộ nhân viên không được xem xét chi lương tháng 13 ...”

Theo các căn cứ trên thì trường hợp của ông B không được hưởng lương tháng 13 của năm 2016.

7. Về yêu cầu Ngân hàng Đ trả tiền lương của 07 ngày phép năm 2016 là 14.807.692 đồng.

Theo tính toán của Ngân hàng thì số ngày phép năm 2016 còn lại của ông B là 08 ngày: $27.500.000 \text{ đồng} \times 8/26 = 8.461.538 \text{ đồng}$.

8. Về yêu cầu Ngân hàng Đ trả trợ cấp thôi việc trong thời gian thử việc từ 10/9/2012 đến 09/11/2012.

Ngân hàng xác nhận có ký kết hợp đồng lao động số DAB-06540/092012-12 ngày 10/9/2012 với thời gian thử việc từ 10/9/2012 đến 09/11/2012. Trong thời gian này ông B không tham gia các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp nên Ngân hàng đồng ý tính lại và sẽ trả trợ cấp thôi việc cho ông B trong thời gian này, cụ thể: $0,5 \times 27.500.000 \text{ đồng} \times \frac{1}{2} = 6.875.000 \text{ đồng}$.

Ngày 30/6/2017 Ngân hàng Đ đã thanh toán chuyển khoản tổng số tiền 15.336.538 đồng (8.461.538 đồng + 6.875.000 đồng) vào tài khoản thẻ số 0108241368 của ông Nguyễn Ngọc B mở tại Ngân hàng Đ được thể hiện tại bản sao kê chi tiết phát sinh tài khoản này từ ngày 01/12/2016 đến ngày 30/6/2017 với phần diễn giải: ngày 30/6/2017, số tham chiếu: PR1575271474, Mã GD: nhận lương điện tử - Đơn vị chuyên: SGDHOISO-201706-trợ cấp thôi việc và phép năm chưa sử dụng, PS có 15.336.538 đồng.

9. Về yêu cầu Ngân hàng Đ bồi thường số tiền tương đương 06 tháng tiền lương do ra quyết định kỷ luật sa thải trái pháp luật là 330.000.000 đồng.

Do Ngân hàng Đ đã ra quyết định kỷ luật sa thải ông B đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật nên Ngân hàng không đồng ý.

10. Về yêu cầu Ngân hàng Đ cung cấp chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân năm 2016, 2017.

Ngân hàng đã nhiều lần thông báo và gọi điện thoại cho ông B đến Ngân hàng để nhận chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân năm 2016 nhưng ông B không đồng ý. Năm 2017 ông B không phát sinh thu nhập tại Ngân hàng nên không có chứng từ khấu trừ thuế. Nay Ngân hàng cũng đề nghị ông B đến trụ sở Ngân hàng gặp cán bộ phụ trách để nhận bản chính tất cả chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân năm 2016.

11. Về yêu cầu Ngân hàng Đ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.

* Ngân hàng đã đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế năm 2016 đầy đủ theo quy định pháp luật cho ông B. Đối với năm 2017, vì ông B tự ý bỏ việc từ ngày 17/12/2016 cho đến ngày bị xử lý kỷ luật sa thải nên Ngân hàng không đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho ông B.

* Về bảo hiểm thất nghiệp: Căn cứ khoản 2 Điều 58 Luật Việc làm năm 2013, hợp đồng lao động số DAB-06540/042014-09 ngày 01/4/2014 và phụ lục, Quyết định số 404/QĐ-DAB ngày 31/01/2015, Quyết định số 116/QĐ-QTNL ngày 01/02/2015, Quyết định số 06/QĐ-HĐQT-DAB ngày 04/01/2016, Nghị quyết 24.7/NQ-HĐQT-DAB ngày 28/12/2015, Thông báo số 11/TB-QTNL ngày 25/01/2016, tiền phụ cấp trách nhiệm và phụ cấp chức danh của ông B được cơ cấu thành tiền lương theo năng suất và hiệu quả công việc.

Ngân hàng đóng bảo hiểm thất nghiệp cho ông B với mức lương cơ bản là 27.500.000 đồng/tháng. Ông B yêu cầu đóng bảo hiểm thất nghiệp với tổng số tiền 51.500.000 đồng/tháng là không có cơ sở.

12. Về yêu cầu Ngân hàng Đ chốt số tiền, thời gian đóng BHXH và giao trả sổ BHXH.

Ngân hàng đã chốt sổ BHXH cho ông B và đã giao trả bản chính sổ cho ông B vào ngày 18/7/2017.

Do đó, Ngân hàng Đ chỉ đồng ý trả tiền 08 ngày phép năm, trợ cấp thôi việc trong thời gian thử việc từ ngày 10/9/2012 đến 09/11/2012 và đã giải quyết các yêu cầu này cho ông B cũng như đã giao trả bản chính sổ bảo hiểm cho ông B, Ngân hàng không chấp nhận toàn bộ các yêu cầu còn lại của ông Nguyễn Ngọc B. Đề nghị tòa xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại bản án lao động sơ thẩm số 908/2018/LĐ-ST ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận N đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 32, điểm c Khoản 1 Điều 35, Điều 63, điểm b khoản 2 Điều 133, Khoản 1 Điều 147 và Điều 232 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 22, khoản 8 Điều 36, khoản 1 Điều 44, khoản 1 Điều 123, Điều 124, Khoản 3 Điều 125, khoản 3 Điều 126 của Bộ luật lao động;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Điều 13, Điều 30 và Điều 31 Nghị Định 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động.

Căn cứ Điều 11, điểm a khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận một phần các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc B, cụ thể:

1.1 Chấp nhận việc ông B đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

1.2 Huỷ bỏ Quyết định số 30/QĐ-DAB-HĐQT ngày 01/3/2017 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Đ về việc xử lý kỷ luật sa thải ông Nguyễn Ngọc B.

1.3 Buộc Ngân hàng Đ chấm dứt hành động trả thù, trù dập và gửi văn bản xin lỗi ông B cùng gia đình.

1.4 Buộc Ngân hàng Đ trả tiền lương từ tháng 9/2015 đến 5/2016 là 18.000.000 đồng.

1.5 Buộc Ngân hàng Đ trả đầy đủ thu nhập của ông B trong thời gian tiếp tục chờ Ngân hàng ra quyết định phân công từ giữa tháng 12/2016 đến ngày 23/02/2017 là 126.923.077 đồng.

1.6 Buộc Ngân hàng Đ trả tiền lương tháng 13 của năm 2016 là 27.500.000 đồng.

1.7 Buộc Ngân hàng Đ bồi thường một khoản tiền tương đương 06 tháng tiền lương là 330.000.000 đồng.

1.8 Buộc Ngân hàng Đ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho ông B từ tháng 01/2016 đến tháng 12/2016 với mức đóng là 24.200.000 đồng/tháng, từ tháng 01/2017 đến khi chấm dứt hợp đồng với mức đóng là 26.000.000 đồng/tháng. Bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 01/2016 đến khi chấm dứt hợp đồng theo mức lương 51.500.000 đồng/tháng.

2. Chấp nhận một phần các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc B, cụ thể:

2.1 Buộc Ngân hàng thương mại cổ phần Đ phải thanh toán cho ông B số tiền 08 ngày phép năm 2016 là 8.461.538 đồng.

2.2 Buộc Ngân hàng Đ trả trợ cấp thôi việc trong thời gian thử việc từ ngày 10/9/2012 đến 09/11/2012 là 6.875.000 đồng.

2.3 Buộc Ngân hàng Đ cung cấp chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân năm 2016 cho ông B.

2.4 Buộc Ngân hàng Đ phải trả cho ông B tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố là 9%/năm với tổng số tiền lãi là 3.249.362 đồng (trong đó số tiền lãi của 08 ngày phép năm 2016: 380.769 đồng, tiền trợ cấp thôi việc trong thời gian thử việc: 2.868.593 đồng).

Ghi nhận việc ngày 30/6/2017 Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đã thanh toán chuyển khoản tổng số tiền 15.336.538 đồng vào tài khoản thẻ số 0108241368 của ông Nguyễn Ngọc B mở tại Ngân hàng Đ.

Ghi nhận việc ông B chỉ yêu cầu Ngân hàng thương mại cổ phần Đ trả tiền lãi chậm trả cho các khoản nợ với mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố.

Kể từ ngày ông Nguyễn Ngọc B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Ngân hàng thương mại cổ phần Đ không thi hành số tiền nêu trên, thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc B không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần Đ phải chịu 300.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền thi hành án của các đương sự.

Ngày 10/9/2018 nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và bị đơn Ngân hàng TMCP Đ có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc B trình bày:

Do Ngân hàng đã tự xóa tên ông khỏi danh sách cán bộ nhân viên của Ngân hàng Đ kể từ ngày 15/12/2016 bằng Quyết định số 252/QĐ-DAB-HĐQT chấm dứt hoạt động của Nhóm dự án, từ thời điểm này ông không có tên trong danh sách của Khối Chiến lược và cũng không có tên trong một đơn vị cụ thể nào. Như vậy HĐLĐ ngày 01/4/2014 đã bị chính Ngân hàng đơn phương chấm dứt trên thực tế mà không thông báo cho ông biết là vi phạm HĐLĐ và pháp luật lao động. Từ ngày 15/12/2016 Ngân hàng cắt hết lương, phụ cấp cũng như các chế độ bảo hiểm. Ngân hàng không cấp cho ông bất kỳ văn bản bố trí, phân công chức danh vị trí chính thức nào. Ông đã thực hiện quyền đơn phương chấm dứt HĐLĐ theo đúng quy định của pháp luật, không cần có sự đồng ý của Ngân hàng. Giữa ông và Ngân hàng không còn quan hệ ràng buộc nào nên Ngân hàng ra quyết định xử lý kỷ luật sa thải đối với ông là trái quy định pháp luật.

Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông. Cụ thể:

- Tuyên bố chấp nhận việc ông B đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với Ngân hàng Đ theo Thông báo chấm dứt HĐLĐ ngày 17/02/2017 là có căn cứ do Ngân hàng Đ đã vi phạm hợp đồng lao động và pháp luật lao động.

- Hủy bỏ Quyết định số 30/QĐ-DAB-HĐQT của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Đ đề ngày 01/3/2017 về việc xử lý kỷ luật sa thải ông;

- Buộc Ngân hàng gửi văn bản xin lỗi ông và gia đình ông, văn bản xin lỗi phải được cập nhật lên trang tin nội bộ của Ngân hàng Đ;

- Buộc Ngân hàng trả cho ông khoản nợ tiền lương do đã trả thiếu từ tháng 9/2015 đến tháng 5/2016 số tiền là 18 triệu đồng;

- Buộc Ngân hàng phải trả đủ tiền lương cho ông trong thời gian chờ Ngân hàng ra quyết định phân công, bố trí chức danh công việc chính thức theo HĐLĐ từ giữa tháng 12/2016 cho đến ngày chấm dứt HĐLĐ theo Thông báo ngày 23/02/2017, số tiền là 126.923.077 đồng (bao gồm nửa tháng lương của tháng 12/2016 + 01 tháng lương của tháng 01/2017 + 21 ngày công của tháng 02/2017);

- Buộc Ngân hàng Đ trả tiền lương tháng 13 của năm 2016 là 27.500.000 đồng;

- Buộc Ngân hàng Đ trả tiền lương của 07 ngày phép năm 2016 chưa sử dụng là 14.807.692 đồng;

- Buộc Ngân hàng trả trợ cấp thôi việc trong thời gian thử việc không tham gia bảo hiểm cho người lao động theo hợp đồng thử việc ký ngày 10/9/2012 là 13.750.000 đồng;

- Buộc Ngân hàng phải bồi thường cho ông 06 tháng tiền lương do đã ra quyết định kỷ luật sa thải trái pháp luật đối với ông số tiền là 330.000.000 đồng;

- Buộc Ngân hàng Đ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho ông B như sau:

+ Đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế từ tháng 01/2016 đến tháng 12/2016 với mức đóng là 24.200.000 đồng/tháng và kể từ tháng 01/2017 đến khi chấm dứt hợp đồng với mức đóng là 26.000.000 đồng/tháng;

+ Đóng bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 01/2016 đến khi chấm dứt hợp đồng theo mức lương 51.500.000 đồng/tháng (gồm phụ cấp chức danh và trách nhiệm);

- Ngân hàng phải trả lãi cho chậm trả các khoản nợ trên theo mức lãi suất cơ bản do NHNN công bố, cụ thể:

+ nợ tiền lương từ tháng 9/2015 đến tháng 5/2016 số tiền 45.000.000 đồng, thời gian tính lãi từ tháng 9/2015 đến hết tháng 6/2016;

+ nợ tiền lương từ tháng 9/2015 đến tháng 5/2016 số tiền 18.000.000 đồng, thời gian tính lãi từ tháng 6/2016 đến ngày thanh toán;

+ nợ tiền trợ cấp thôi việc 13.750.000 đồng, thời gian tính lãi từ tháng 11/2012 đến ngày thanh toán;

+ nợ tiền ngày phép năm 2016 chưa sử dụng là 14.807.692 đồng, thời gian tính lãi từ tháng 01/2017 đến ngày thanh toán;

+ nợ tiền lương trong thời gian chờ bố trí công việc là 126.923.077 đồng, thời gian tính lãi từ tháng 3/2017 đến ngày thanh toán;

+ nợ tiền lương tháng 13 của năm 2016 là 27.500.000 đồng, thời gian tính lãi từ tháng 01/2017 đến ngày thanh toán.

Ông Lê Xuân K là đại diện theo ủy quyền của bị đơn – Ngân hàng TMCP Đ trình bày:

Ngân hàng không đồng ý với toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông B.

Ngân hàng đề nghị cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chỉ buộc Ngân hàng phải trả lãi chậm thanh toán đối với số tiền 08 ngày phép năm 2016 là 8.461.538 đồng trong thời gian từ ngày 08/3/2017 đến ngày 29/6/2017. Giữa Ngân hàng và ông B chấm dứt HĐLĐ do ông B bị xử lý kỷ luật sa thải nên Ngân hàng không có trách nhiệm trả tiền trợ cấp thôi việc cho ông B. Việc Ngân hàng đồng ý trả cho ông B tiền trợ cấp thôi việc cho 02 tháng thử việc là sự tự nguyện của Ngân hàng do đó Ngân hàng không đồng ý trả lãi đối với số tiền 6.875.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định; gửi các Quyết định, Thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp, đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Ông B đã không có mặt tại nơi làm việc từ ngày 17/12/2016 theo như yêu cầu của Quyết định số 252/QĐ-DAB-HĐQT ngày 13/12/2016.

Ngân hàng đã ban hành Quyết định xử lý kỷ luật lao động đối với ông B là đúng theo quy định của BLLĐ và nội quy lao động. Do đó không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Giữa Ngân hàng và ông B chấm dứt HĐLĐ do ông B bị xử lý kỷ luật sa thải nên Ngân hàng không có trách nhiệm trả tiền trợ cấp thôi việc cho ông B. Cần phải xác định việc Ngân hàng đồng ý trả cho ông B tiền trợ cấp thôi việc cho 02 tháng thử việc là sự tự nguyện của Ngân hàng do đó Ngân hàng không phải trả lãi đối với số tiền này. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng, sửa một phần bản án sơ thẩm về việc tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc B về việc đề nghị chấp nhận việc ông B đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với Ngân hàng TMCP Đ theo Thông báo chấm dứt HĐLĐ ngày 17/02/2017 là có căn cứ. Tại Thông báo này, ông B cho rằng do Ngân hàng đã có những vi phạm là không bố trí ông theo đúng chức danh công việc, không đảm bảo điều kiện làm việc, không trả đủ tiền lương và không đóng đủ BHXH, BHYT, BHTN đúng theo HĐLĐ đã ký kết, có hành vi ngược đãi, chèn ép, trù dập... nên ông có quyền đơn phương chấm dứt HĐLĐ với Ngân hàng.

- HDXX xét thấy, ông B và Ngân hàng đã ký HĐLĐ thứ nhất số DAB-06540/112012-01 vào ngày 10/11/2012 với thời hạn từ ngày 10/11/2012 đến ngày 31/3/2014. Sau đó hai bên tiếp tục ký HĐLĐ số DAB-06540/042014-09 ngày 01/4/2014 với thời hạn làm việc 36 tháng từ ngày 01/4/2014 đến 31/3/2017, chức danh công việc là Giám đốc Phòng Hợp tác chiến lược.

Ngày 29/01/2015 ông B và Ngân hàng đã ký Phụ lục HĐLĐ số 20-CĐCS/PL-DAB_06540/042014_09 với nội dung: điều chỉnh về chức danh công việc của ông B là Giám đốc Phòng hợp tác chiến lược và Quan hệ định chế tài chính. Ngày 31/01/2015 Ngân hàng ra Quyết định số 404/QĐ-DAB bổ nhiệm ông B là Giám đốc Phòng Hợp tác chiến lược và Quan hệ định chế tài chính thuộc Khối Chiến lược với thời hạn từ 01/02/2015 đến 01/02/2016. Quyết định này nêu rõ là một phần của HĐLĐ giữa ông B và Ngân hàng, và có hiệu lực kể từ ngày 01/02/2015. Ông B không có ý kiến gì đối với Quyết định bổ nhiệm này của Ngân hàng.

Ngày 05/11/2015 Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ngân hàng ra Quyết định số 211/QĐ-HĐQT-DAB về việc thành lập “Nhóm dự án làm việc với nhà đầu tư nước ngoài” (gọi là Nhóm dự án), thành viên của Nhóm dự án được hưởng đầy đủ các chính sách, chế độ đối với người lao động theo chức danh hiện đang đảm nhiệm. Ông B là thành viên của Nhóm dự án. Ông B đồng ý và không có ý kiến phản đối.

Ngày 13/8/2015 Ngân hàng Đ bị đặt trong tình trạng kiểm soát đặc biệt theo Quyết định số 69/QĐ-NHNN.m của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Tại Quyết định nêu rõ: “Ngân hàng phải tiến hành rà soát sắp xếp và kiện toàn nhân sự các cấp...; tạm thời không tăng và rà soát cắt giảm (nếu xét thấy cần thiết) các khoản thù lao, lương, thưởng cho người quản lý...”. Chính vì vậy, Ngân hàng đã tiến hành rà soát lại cơ cấu tổ chức và sắp xếp kiện toàn nhân sự các cấp để đáp ứng nhu cầu công việc thực tế và tình hình hoạt động kinh doanh. Ngày 15/12/2015 Khối chiến lược có tờ trình gửi đến Chủ tịch HĐQT về việc điều chỉnh cơ cấu, chức năng nhiệm vụ và định biên nhân sự của Khối chiến lược; trong đó có nêu “hiện tại Khối chiến lược có ba phòng là Phòng nghiên cứu và quản lý chiến lược, Phòng Hợp tác chiến lược và Quan hệ định chế tài chính, Phòng marketing và truyền thông. Phòng Hợp tác chiến lược và Quan hệ định chế tài chính hiện chỉ có một Giám đốc phòng là ông B, không có nhân viên và hiện tại ông B là thành viên của Nhóm dự án làm việc với nhà đầu tư nước ngoài. Do đó Khối chiến lược đề xuất điều chỉnh thu gọn từ ba phòng còn hai phòng, bổ sung nhiệm vụ của Phòng Hợp tác chiến lược vào Phòng quản lý và Triển khai chiến lược, nhiệm vụ quan hệ định chế tài chính hiện tại do K.KHDN thực hiện”. Ngày 04/01/2016 Ngân hàng ra Quyết định số 06/QĐ-HĐQT-DAB về việc điều chỉnh chức năng và nhiệm vụ của Khối chiến lược, theo đó Phòng Hợp tác chiến lược và quan hệ định chế tài chính được hợp nhất với Phòng Nghiên cứu và quản lý chiến lược thành Phòng Quản lý và triển khai chiến lược.

Sau đó vào các ngày 30/01/2016, 22/02/2016, 26/02/2016 giữa Ngân hàng và ông B có các biên bản làm việc về vấn đề sắp xếp phân công chức danh, nhiệm vụ mới cho ông B. Ngân hàng đề ra các vị trí Phó Giám đốc Phòng Quản lý và Triển khai chiến lược hoặc Chuyên viên, ngoài việc thay đổi chức danh theo yêu cầu quản trị và cơ cấu tổ chức, ông B vẫn được giữ nguyên mức tiền lương theo quy định. Tuy nhiên phía ông B không đồng ý.

HĐXX xét thấy: việc Ngân hàng thực hiện thay đổi cơ cấu tổ chức là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 44 BLLĐ năm 2012 và điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ. Việc thay đổi cơ cấu là sự việc thực tế được thực hiện theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước khi Ngân hàng Đ bị đặt trong tình trạng kiểm soát đặc biệt. BLLĐ năm 2012 không quy định trong trường hợp thay đổi cơ cấu mà ảnh hưởng đến việc làm của một người lao động thì người sử dụng lao động phải có trách nhiệm xây dựng phương án sử dụng lao động. Sau khi thay đổi, Phòng Hợp tác chiến lược và quan hệ định chế tài chính không còn do đó không thể khôi phục vị trí, chức danh theo yêu cầu của ông B được. Ngoài ra, Quyết định bổ nhiệm ông B là Giám đốc Phòng Hợp tác chiến lược và quan hệ định chế tài chính cũng đã hết hiệu lực vào ngày 02/02/2016. Trong thời gian này, ông B vẫn đang phụ trách công việc của Nhóm dự án làm việc với nhà đầu tư nước ngoài, chính ông B cũng thừa nhận tại biên bản làm việc ngày 30/01/2016 rằng: “ông đồng tình với Ngân hàng đang tái cơ cấu nhưng công việc hiện tại đang chạy công việc của Nhóm dự án. Nếu sắp xếp vào Khối chiến lược thì sẽ gặp khó khăn trong công việc của Khối chiến lược và sẽ mất một định biên nhân sự. Ông

biết nếu ông nằm trong biên chế của Khối chiến lược sẽ rất khó trong việc phân công công việc do ông đang làm toàn thời gian cho Nhóm dự án”.

Ngày 13/12/2016 Ngân hàng ra Quyết định số 252/QĐ-DAB-HĐQT về việc chấm dứt hoạt động Nhóm dự án và yêu cầu các thành viên của Nhóm dự án trong đó có ông B phải lập văn bản báo cáo đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ được Trưởng nhóm dự án giao và gửi về Lãnh đạo Khối phụ trách (trước khi được trưng tập vào Nhóm dự án) chậm nhất ngày 16/12/2016; các thành viên phải có mặt tại đơn vị trước khi tham gia vào Nhóm dự án chậm nhất ngày 17/12/2016 để tiếp nhận công việc mới theo sự phân công của lãnh đạo phụ trách. Theo đó, ông B phải báo cáo cho Giám đốc Khối chiến lược là ông Võ Tấn Bảo Q và phải có mặt tại Khối chiến lược chậm nhất là ngày 17/12/2016. Tuy nhiên ông B đã không có mặt tại Khối chiến lược theo đúng thời gian yêu cầu và do đó Ngân hàng không thể bố trí hay phân công công việc.

Như vậy ông B cho rằng Ngân hàng đã không bố trí, phân công chức danh công việc cho ông là không có cơ sở để chấp nhận.

- Tại Thông báo ngày 17/02/2017 của ông B có nêu Ngân hàng đã tự ý giảm tiền lương của ông từ tháng 9/2015 đến tháng 5/2016. HĐXX xét thấy, do đang bị kiểm soát đặc biệt, dựa trên nội dung của Quyết định số 69/QĐ-NHNN.m của Ngân hàng Nhà nước nên ngày 25/8/2015 BCH Công đoàn Ngân hàng đã có Thư ngỏ đến Lãnh đạo Khối/Phòng ban Hội sở kêu gọi tự nguyện giảm một phần thu nhập của mình trên tổng thu nhập hàng tháng, thời gian bắt đầu thực hiện từ đợt lương kỳ 2 tháng 8/2015 cho đến khi các hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trở lại bình thường. Ngày 26/8/2015, ông B tự nguyện ký tên vào danh sách tự nguyện cắt giảm tiền lương với số tiền là 2.000.000 đồng/tháng. Do đó việc ông B cho rằng Ngân hàng đã tự ý giảm tiền lương của ông từ tháng 9/2015 là không có cơ sở chấp nhận.

- Ông B cũng không có chứng cứ gì chứng minh việc ông bị ngược đãi, chèn ép, trù dập hoặc việc Ngân hàng đã hành vi quấy nhiễu đối với ba ông.

Từ những phân tích trên, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông B trong việc đề nghị công nhận Thông báo chấm dứt HĐLĐ ngày 17/02/2017 của ông đối với Ngân hàng Đ cũng như công nhận việc ông đơn phương chấm dứt HĐLĐ với Ngân hàng là có căn cứ và hợp pháp.

[2] Đối với kháng cáo của ông B yêu cầu Hủy bỏ Quyết định số 30/QĐ-DAB-HĐQT của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Đ ngày 01/3/2017 về việc xử lý kỷ luật sa thải đối với ông.

- HĐXX xét thấy, tại Quyết định số 252/QĐ-DAB-HĐQT ngày 13/12/2016 về việc chấm dứt hoạt động Nhóm dự án đã yêu cầu ông B phải lập văn bản báo cáo đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ được Trưởng nhóm dự án giao và gửi về Lãnh đạo Khối phụ trách và phải có mặt tại Khối chiến lược chậm nhất ngày 17/12/2016 để tiếp nhận công việc mới theo sự phân công của lãnh đạo phụ trách. Tuy nhiên ông B không có mặt.

Ngày 23/12/2016 Khối chiến lược có biên bản họp phòng, trong đó có nội dung ông B đã không có mặt tại Khối từ ngày 17/12/2016 cho đến nay mà không có lý do, mặc dù đã được Giám đốc Khối chiến lược gửi email nhắc nhở vào ngày 19/12/2016 và ngày 23/12/2016. Tiếp đến vào các ngày 24/12/2016, 30/12/2016 Khối chiến lược liên tục có Báo cáo gửi Tổng giám đốc Ngân hàng, Hội đồng xử lý kỷ luật, Khối quản trị nguồn nhân lực về việc ông B đã không gửi báo cáo, không có mặt tại Khối Chiến lược từ ngày 17/12/2016 để nhận công việc mà không có lý do (báo cáo có chữ ký của Giám đốc, Phó Giám đốc và người chấm công của Khối).

Như vậy, căn cứ theo các báo cáo của Khối Chiến lược cũng như bảng chấm công tháng 12/2016, tháng 01/2017 có đủ cơ sở xác định ông B đã không có mặt tại Khối Chiến lược để nhận sự phân công công việc từ ngày 17/12/2016 mà không có lý do. Ngân hàng đã áp dụng hình thức xử lý kỷ luật sa thải đối với ông B với lý do ông đã tự ý bỏ việc 05 ngày cộng dồn trong một tháng mà không có lý do chính đáng là đúng theo quy định tại Điều 125 của BLLĐ năm 2012, Điều 31 của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của BLLĐ năm 2012.

- Về trình tự xử lý kỷ luật: Tổng giám đốc Ngân hàng đã gửi các Thông báo để mời ông B tham dự cuộc họp xử lý kỷ luật lao động vào các ngày 15/02/2017, 21/02/2017, 27/02/2017 bằng đường bưu điện cho ông B, cả ba lần đều có người ký nhận thay cho ông B thể hiện trên Phiếu gửi thư của bưu điện. Tuy nhiên ông B đều không có mặt tại các buổi họp. Cuộc họp xử lý kỷ luật lao động đều được Ngân hàng lập thành biên bản, có mặt của Chủ tịch công đoàn, được thông qua các thành viên tham dự và các thành viên ký tên đầy đủ trước khi kết thúc cuộc họp. Như vậy Ngân hàng đã tiến hành trình tự xử lý kỷ luật lao động theo đúng quy định tại Điều 123 của BLLĐ năm 2012, Điều 30 của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ, Điều 12 Thông tư số 47/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ lao động thương binh xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về HĐLĐ, kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất của Nghị định số 05.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ 39 ngày 11/9/2015 thì người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Võ Minh T, chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị của Ngân hàng Đ đã ký quyết định số 30/QĐ-DAB-HĐQT về việc xử lý kỷ luật lao động đối với ông B, với hình thức xử lý kỷ luật sa thải là đúng thẩm quyền ban hành theo quy định của Bộ luật lao động.

Từ những nhận định trên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông B đề nghị Hủy Quyết định số 30/QĐ-DAB-HĐQT của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Đ ngày 01/3/2017 về việc xử lý kỷ luật sa thải đối với ông B.

[3] Do không chấp nhận Thông báo chấm dứt HĐLĐ ngày 17/02/2017 của ông B và không Hủy bỏ Quyết định số 30/QĐ-DAB-HĐQT của Chủ tịch HĐQT

Ngân hàng Đ đề ngày 01/3/2017 về việc xử lý kỷ luật sa thải nên từ đó HĐXX cũng không chấp nhận các yêu cầu kháng cáo của ông B về việc:

+ Buộc Ngân hàng gửi văn bản xin lỗi ông và gia đình ông, văn bản xin lỗi phải được cập nhật lên trang tin nội bộ của Ngân hàng Đ;

+ Buộc Ngân hàng trả cho ông khoản nợ tiền lương do đã trả thiếu từ tháng 9/2015 đến tháng 5/2016 số tiền là 18 triệu đồng;

+ Buộc Ngân hàng phải trả đủ tiền lương cho ông trong thời gian chờ Ngân hàng ra quyết định phân công, bố trí chức danh công việc chính thức theo HĐLĐ từ giữa tháng 12/2016 cho đến ngày chấm dứt HĐLĐ theo Thông báo ngày 23/02/2017, số tiền là 126.923.077 đồng;

+ Buộc Ngân hàng phải bồi thường cho ông 06 tháng tiền lương do đã ra quyết định kỷ luật sa thải trái pháp luật đối với ông số tiền là 330.000.000 đồng;

+ Buộc Ngân hàng trả nợ tiền lương tháng 13 của năm 2016 là 27.500.000 đồng.

Các yêu cầu trả lãi đối với các khoản tiền trên cũng không được chấp nhận.

[4] Đối với các yêu cầu của ông B buộc Ngân hàng phải trả tiền trợ cấp thôi việc cho 02 tháng thử việc, tiền phép năm 2016 theo mức lương 55 triệu đồng/tháng và phải có nghĩa vụ đóng đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN cho ông với mức lương làm căn cứ đóng là 51.500.000 đồng:

Xét thấy, vào ngày 01/02/2015 Ngân hàng ra Quyết định số 116/QĐ-QTNNL điều chỉnh mức thu nhập của ông B, cụ thể: mức lương cơ bản là 27.500.000 đồng, phụ cấp cơm trưa 650.000 đồng, phụ cấp đi lại 1.500.000 đồng, phụ cấp điện thoại 1.350.000 đồng, phụ cấp chức danh công việc 5.300.000 đồng, phụ cấp trách nhiệm 18.700.000 đồng; tổng cộng là 55.000.000 đồng/tháng. Ngày 25/01/2016 Ngân hàng ban hành Thông báo số 11/TB-QTNNL về việc thay đổi cơ cấu thu nhập tạm thời theo đó cơ cấu thu nhập cho người lao động tại Ngân hàng bao gồm: lương cơ bản; phụ cấp, trợ cấp và các khoản bổ sung khác; lương theo năng suất và hiệu quả công việc. Ngày 04/01/2016 Phòng Hợp tác chiến lược và quan hệ định chế tài chính không còn, Quyết định bổ nhiệm ông B là Giám đốc Phòng Hợp tác chiến lược và quan hệ định chế tài chính cũng đã hết hiệu lực vào ngày 02/02/2016, tuy nhiên để đảm bảo thu nhập của ông B không thay đổi nên Ngân hàng xác định hai khoản phụ cấp chức danh công việc và phụ cấp trách nhiệm của ông B được xác định là lương theo năng suất và hiệu quả công việc. Theo đó tiền lương của ông B sẽ gồm lương cơ bản là 27.500.000 đồng, cơm trưa 650.000 đồng, trợ cấp xăng xe 1.500.000 đồng, trợ cấp điện thoại 1.350.000 đồng, lương theo năng suất và hiệu quả công việc 22.000.000 đồng.

Như vậy mức lương làm căn cứ để tính trợ cấp thôi việc và tiền ngày phép năm cũng như đóng BHXH, BHYT, BHTN là mức lương 27.500.000 đồng. Ngoài ra, theo khoản 2, 3 Điều 89 của Luật BHXH năm 2014 thì trường hợp tiền lương tháng đóng BHXH cao hơn 20 lần mức lương cơ sở thì tiền lương tháng đóng BHXH bằng 20 lần mức lương cơ sở. Theo quy định này thì số tiền Ngân

hàng phải đóng BHXH, BHYT, BHTN cho ông B là 24.200.000 đồng; trong khi Ngân hàng đã đóng các khoản bảo hiểm theo mức lương 27.500.000 đồng là đã đảm bảo quyền lợi cho ông B.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của BLLĐ năm 2012 thì khi HĐLĐ chấm dứt do người lao động bị xử lý kỷ luật sa thải, người sử dụng lao động không có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc. Do đó cần ghi nhận việc Ngân hàng tự nguyện trả cho ông B số tiền trợ cấp thôi việc trong thời gian thử việc từ ngày 10/9/2012 đến 09/11/2012 là 6.875.000 đồng và không buộc Ngân hàng phải trả lãi đối với số tiền này.

Cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần các yêu cầu của ông B về việc buộc Ngân hàng Đ trả cho ông B số tiền 08 ngày phép năm 2016 là 8.461.538 đồng và trả là có cơ sở. Ngân hàng đã đóng đầy đủ các khoản bảo hiểm cho ông B theo đúng quy định và đã chốt sổ BHXH, giao trả bản chính cho ông B.

Do đó không chấp nhận kháng cáo của ông B.

[5] Đối với kháng cáo của bị đơn về việc không đồng ý trả lãi do chậm thanh toán các khoản tiền 08 ngày phép năm và tiền trợ cấp thôi việc:

Theo quy định của BLDS thì trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Tại khoản 2 Điều 47 BLLĐ năm 2012 quy định: “Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày chấm dứt HĐLĐ, hai bên có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các khoản có liên quan đến quyền lợi của mỗi bên, trường hợp đặc biệt có thể kéo dài nhưng không được quá 30 ngày”. Như vậy HĐLĐ giữa ông B và Ngân hàng đã chấm dứt vào ngày 01/3/2017 theo Quyết định xử lý kỷ luật nhưng tại thời điểm này Ngân hàng vẫn chưa thanh toán cho ông B khoản tiền 08 ngày phép năm. Do đó cần buộc Ngân hàng phải trả lãi, tuy nhiên thời gian trả lãi sẽ được tính từ ngày 08/3/2017 cho đến ngày Ngân hàng đã chuyển trả số tiền trên cho ông B vào ngày 29/6/2017. Như vậy số tiền lãi Ngân hàng phải trả cho ông B là 231.000 đồng.

Ghi nhận việc ông B chỉ yêu cầu Ngân hàng thương mại cổ phần Đ trả tiền lãi chậm trả cho các khoản nợ với mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố.

[6] Đối với lời trình bày của ông B về việc Tòa án cấp sơ thẩm đã không công khai chứng cứ là Quyết định số 69/QĐ.NHNN.m ngày 13/8/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Xét thấy, tại Công văn có đóng dấu “Mật” số 495/NHNN-TTGSNH.m của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 06/6/2018 gửi cho Tòa án cấp sơ thẩm có nêu “Đề nghị bảo quản, sử dụng Quyết định số 69/QĐ.NHNN.m ngày 13/8/2015 theo quy định đối với tài liệu là bí mật Nhà nước thuộc độ “Mật”. Do đó cấp sơ thẩm không thể công khai chứng cứ này cho các đương sự trong vụ án.

Cấp sơ thẩm đã có Công văn xác minh gửi BHXH quận N và BHXH quận N đã có Công văn số 897/BHXH ngày 30/7/2018 để trả lời về mức đóng BHXH, căn cứ đóng và quá trình tham gia BHXH của ông B nên không cần thiết phải đưa BHXH vào tham gia tố tụng như lời trình bày của nguyên đơn.

[7] Từ những nhận định ở trên, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông B, có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, cần sửa một phần bản án sơ thẩm theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[8] Các đương sự không phải nộp án phí lao động phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 22, khoản 8 Điều 36, khoản 1 Điều 44, khoản 1 Điều 123, Điều 124, Khoản 3 Điều 125, khoản 3 Điều 126 của Bộ luật lao động năm 2012;

Căn cứ Điều 13, Điều 30 và Điều 31 Nghị Định 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động;

Căn cứ Điều 12 Thông tư số 47/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ lao động thương binh xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về HĐLĐ, kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ;

Căn cứ Điều 11, điểm a khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc B. Chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP Đ.

Sửa một phần bản án sơ thẩm.

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc B về các vấn đề sau:

1.1. Chấp nhận Thông báo chấm dứt HĐLĐ ngày 17/02/2017 về việc ông đơn phương chấm dứt HĐLĐ đối với Ngân hàng là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

1.2. Huỷ bỏ Quyết định số 30/QĐ-DAB-HĐQT ngày 01/3/2017 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đ về việc xử lý kỷ luật sa thải ông Nguyễn Ngọc B.

1.3. Buộc Ngân hàng Đ chấm dứt hành động trả thù, trù dập và gửi văn bản xin lỗi ông B cùng gia đình.

1.4. Buộc Ngân hàng Đ trả tiền lương còn thiếu từ tháng 9/2015 đến 5/2016 là 18.000.000 đồng.

1.5. Buộc Ngân hàng Đ trả đầy đủ thu nhập của ông B trong thời gian tiếp tục chờ Ngân hàng ra quyết định phân công từ giữa tháng 12/2016 đến ngày 23/02/2017 là 126.923.077 đồng.

1.6. Buộc Ngân hàng Đ trả tiền lương tháng 13 của năm 2016 là 27.500.000 đồng.

1.7. Buộc Ngân hàng Đ bồi thường một khoản tiền tương đương 06 tháng tiền lương là 330.000.000 đồng do đã sa thải ông trái pháp luật.

1.8. Buộc Ngân hàng Đ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho ông B từ tháng 01/2016 đến tháng 12/2016 với mức đóng là 24.200.000 đồng/tháng, từ tháng 01/2017 đến khi chấm dứt hợp đồng với mức đóng là 26.000.000 đồng/tháng. Bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 01/2016 đến khi chấm dứt hợp đồng theo mức lương 51.500.000 đồng/tháng.

2. Chấp nhận một phần các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc B, cụ thể:

2.1. Buộc Ngân hàng thương mại cổ phần Đ phải thanh toán cho ông B số tiền 08 ngày phép năm 2016 là 8.461.538 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 08/3/2017 cho đến ngày 29/6/2017 là 231.000 đồng.

2.2. Ghi nhận việc Ngân hàng Đ tự nguyện trả cho ông B tiền trợ cấp thôi việc trong thời gian thử việc từ ngày 10/9/2012 đến 09/11/2012 là 6.875.000 đồng.

Ghi nhận việc ngày 30/6/2017 Ngân hàng Đ đã thanh toán chuyển khoản tổng số tiền 15.336.538 (Mười lăm triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm ba mươi tám) đồng vào tài khoản thẻ số 0108241368 của ông Nguyễn Ngọc B mở tại Ngân hàng Đ. Ngân hàng Đ phải có trách nhiệm giao trả tiếp cho ông B số tiền 231.000 (Hai trăm ba mươi một nghìn) đồng.

2.3. Buộc Ngân hàng Đ cung cấp chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân năm 2016 cho ông B.

3. Về án phí:

- Các đương sự không phải chịu án phí lao động phúc thẩm. Trả lại cho Ngân hàng Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0041204 ngày 18/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N.

- Ngân hàng Đ phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí lao động sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật

Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Tòa án nhân dân quận N;
- Cục Thi hành dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận N;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THÂM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Kim Dung